

Số: 50 /2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2015

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông,*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện: công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đầu nối đường nhánh vào quốc lộ; mã số đặt tên hệ thống đường tỉnh; bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác; thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; bảo đảm giao thông và an toàn giao thông khi thi công công

trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; thẩm định và thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

## **Chương II**

### **PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 3. Đất của đường bộ**

Đất của đường bộ bao gồm phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng và phần đất dọc hai bên đường bộ để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ. Công trình đường bộ gồm:

##### 1. Đường bộ

a) Đường (nền đường, mặt đường, lề đường, hè phố);

b) Cầu đường bộ (cầu vượt sông, cầu vượt khe núi, cầu vượt trong đô thị, cầu vượt đường bộ, cầu vượt đường sắt, cầu vượt biển), kể cả cầu dành cho người đi bộ;

c) Hàm đường bộ (hàm qua núi, hàm ngầm qua sông, hàm chui qua đường bộ, hàm chui qua đường sắt, hàm chui qua đô thị), kể cả hàm dành cho người đi bộ;

d) Bến phà, cầu phao đường bộ, đường ngầm, đường tràn.

2. Điểm dừng, đỗ xe trên đường bộ, trạm điều khiển giao thông, trạm kiểm tra tải trọng xe, trạm thu phí cầu, đường.

3. Hệ thống báo hiệu đường bộ gồm: đèn tín hiệu; biển báo hiệu; giá treo biển báo hiệu đường bộ hoặc đèn tín hiệu; khung, giá hạn chế tĩnh không; cọc tiêu, cột cây số, vạch kẻ đường và các thiết bị khác.

4. Đảo giao thông, dải phân cách, rào chắn, tường hộ lan.

5. Các mốc đo đạc, mốc lộ giới, cột mốc giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường bộ.

6. Hệ thống chiếu sáng đường bộ.

7. Hệ thống thoát nước, hầm kỹ thuật, kè đường bộ.

8. Công trình chống va trôi, chỉnh trị dòng nước, chống sạt lở đường bộ.

9. Đường cứu nạn, nơi cất giữ phương tiện vượt sông, nhà hạt, nơi cất giữ vật tư, thiết bị dự phòng bảo đảm giao thông.

10. Các công trình phụ trợ bảo đảm môi trường, bảo đảm an toàn giao thông.

#### **Điều 4. Hành lang an toàn đường bộ**

1. Hành lang an toàn đường bộ là phần đất dọc hai bên đất của đường bộ (kể cả phần mặt nước dọc hai bên cầu, hàm, bến phà, cầu phao) nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

2. Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định từ Điều 15 đến Điều 19 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 11/2010/NĐ-CP) và khoản 2, khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một

số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 100/2013/NĐ-CP). Các cơ quan quản lý đường bộ khi xác định bề rộng hành lang an toàn đối với đường phải căn cứ cấp kỹ thuật của đường được quản lý theo quy hoạch, đối với cầu phải căn cứ vào chiều dọc, chiều ngang của cầu.

3. Trường hợp đường bộ đi chung với công trình thủy lợi, hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật về đê điều.

### **Điều 5. Xác định phạm vi đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ**

1. Đối với trường hợp chưa xác định phạm vi đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ, đường định mức lộ giới, phạm vi đất của đường bộ và phạm vi đất hành lang an toàn đường bộ được xác định theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

2. Đối với đường bộ đang khai thác, phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị định số 11/2010/NĐ-CP có hiệu lực, phạm vi đất của đường bộ, đất hành lang an toàn đường bộ được xác định như sau:

a) Phạm vi đất của đường bộ được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

b) Phạm vi hành lang an toàn đường bộ được xác định sau khi đã xác định phạm vi đất của đường bộ, cụ thể:

Trường hợp phần hành lang an toàn đường bộ còn lại lớn hơn hoặc bằng bề rộng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 100/2013/NĐ-CP thì giữ nguyên.

Trường hợp phần hành lang an toàn đường bộ còn lại nhỏ hơn bề rộng quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 100/2013/NĐ-CP, tiến hành xác định lại phạm vi hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP.

### **Điều 6. Phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ**

1. Công trình đã có trước ngày Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT) có hiệu lực (được cấp có thẩm quyền cho phép xây dựng), nếu phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ chưa đáp ứng quy định tại Điều 21 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, đồng thời không gây nguy hiểm, mất an toàn giao thông tạm thời được giữ nguyên hiện trạng đến ngày 31/12/2020.

2. Công trình được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng; công trình đang khai thác sử dụng chưa đáp ứng quy định tại Điều 21 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP gây nguy hiểm, mất an toàn giao thông phải bảo đảm đủ phạm vi bảo vệ trên không của công trình đường bộ (theo phương thẳng đứng) như sau:

a) Đối với cầu vượt trên đường bộ, khoảng cách tối thiểu tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ đến điểm thấp nhất của kết cấu nhịp cầu theo phương thẳng đứng (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, mở rộng) là 4,75 mét;

Đối với cầu vượt đường cao tốc phải thực hiện theo quy định của tiêu chuẩn thiết kế đường cao tốc;

b) Đối với đường dây thông tin đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng từ điểm cao nhất của mặt đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) tới điểm thấp nhất của đường dây thông tin ở trạng thái võng cực đại tối thiểu là 5,50 mét;

c) Đối với đường dây tải điện đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu theo phương thẳng đứng từ điểm cao nhất của mặt đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) tới điểm thấp nhất của đường dây tải điện ở trạng thái võng cực đại đến tối thiểu là 4,75 mét cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp do pháp luật về điện lực quy định;

d) Đối với công trình băng tải đi phía trên đường bộ phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng từ điểm cao nhất của mặt đường (không kể phần dự phòng cho tôn cao mặt đường khi sửa chữa, nâng cấp, cải tạo) tới điểm thấp nhất của công trình tối thiểu là 4,75 mét;

đ) Phạm vi bảo vệ trên không của các loại công trình đi phía trên đường bộ tại nút giao khác mức phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu theo quy định tại các điểm a, b, c, d Khoản này, từ điểm cao nhất của mặt đường đến điểm thấp nhất của công trình trên cùng của nút giao.

### 3. Xác định chiều cao dự phòng khi tôn cao mặt đường

a) Đối với công trình vượt trên đường bộ, căn cứ hiện trạng và quy hoạch của tuyến đường bộ có công trình đi vượt trên để xác định chiều cao dự phòng cho tôn cao mặt đường bộ.

b) Đối với công trình đường bộ đi dưới cầu vượt hoặc các công trình thiết yếu, căn cứ thiết kế công trình đường bộ và quy hoạch của tuyến đường bộ để xác định chiều cao dự phòng cho tôn cao mặt đường bộ.

## **Điều 7. Khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với công trình thiết yếu**

1. Công trình thiết yếu quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư này được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền cho phép xây dựng nằm trong phạm vi đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả phần dưới mặt nước) phải ở chiều sâu hoặc khoảng cách theo chiều ngang không làm ảnh hưởng đến quản lý, bảo trì, khai thác và sự bền vững công trình đường bộ.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu (nằm trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ) phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu như sau:

a) Khoảng cách từ chân cột ăng ten viễn thông, đường dây thông tin, đường dây tải điện đến chân mái đường đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào tối thiểu

bằng 1,3 lần chiều cao của cột (tính từ mặt đất tại chân cột đến đỉnh cột) và không được nhỏ hơn 5 mét;

b) Trường hợp đường bộ đi qua khu vực nội thành, nội thị, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang bằng bề rộng của chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Trường hợp đường bộ đi qua khu vực miền núi có địa hình núi cao, vực sâu, khu vực không còn quỹ đất để xây dựng, giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình thiết yếu được phép nhỏ hơn khoảng cách quy định tại điểm a khoản này nhưng tối thiểu phải cách mép phần xe chạy 2 mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang đối với cột của công trình băng tải phục vụ sản xuất đặt ngang qua đường bộ phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu như sau:

a) Đối với các vị trí đặt trên đường bộ đi qua khu vực nội thành, nội thị chân cột đặt trên lề đường, hè phố (có bó vỉa), khoảng cách từ điểm gần nhất của chân cột đến mép ngoài cùng của mặt đường xe chạy phải đảm bảo tối thiểu 1 mét, đối với chân trụ băng tải phải đảm bảo khoảng cách tối thiểu 2 mét;

b) Đối với vị trí đặt trên đường bộ đi qua khu vực ngoài đô thị, chân cột phải đặt bên ngoài phạm vi đất của đường bộ;

c) Trường hợp khẩu độ công trình lớn, được phép đặt cột trên dải phân cách giữa nếu đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ điểm gần nhất của chân cột đến mép ngoài cùng của mặt đường xe chạy bằng 0,5 mét;

d) Không được đặt chân cột lên các công trình đường bộ hiện hữu như cống, rãnh dọc thoát nước.

### **Điều 8. Hành lang chồng lấn giữa đường bộ và đường sắt**

1. Khi hành lang an toàn đường sắt chồng lấn hành lang an toàn đường bộ việc phân định hành lang an toàn được thực hiện trên nguyên tắc ưu tiên bố trí đủ hành lang an toàn đường sắt nhưng phải bảo đảm giới hạn hành lang an toàn đường sắt không đè lên mái taluy hoặc bộ phận công trình của đường bộ.

2. Trường hợp công trình đường bộ và đường sắt đi liền kề và chung nhau rãnh dọc, ranh giới hành lang an toàn xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 100/2013-NĐ-CP.

3. Trường hợp công trình đường bộ, đường sắt có hành lang an toàn chung giữa hai đường nhỏ hơn tổng cộng hành lang an toàn của cả đường sắt và đường bộ theo quy định, ưu tiên bố trí đủ cho hành lang an toàn đường sắt; trường hợp giới hạn hành lang an toàn đường sắt nếu bố trí đủ sẽ đè lên công trình đường bộ, giới hạn hành lang an toàn đường sắt là mép ngoài cùng của công trình đường bộ.

### **Điều 9. Công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ**

1. Công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ có khoảng cách đến hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Các công trình nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, có ảnh hưởng đến hoạt động giao thông và an toàn giao thông đường bộ, đã được cơ quan quản lý đường bộ yêu cầu khắc phục nhưng chủ công trình không tự giác thực hiện, cơ quan quản lý đường bộ phải lập hồ sơ kiến nghị Ủy ban nhân dân có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **SỬ DỤNG, KHAI THÁC PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

### **Điều 10. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

1. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuân theo Điều 26, Điều 28 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

2. Trước khi mở rộng địa giới khu vực nội thành, nội thị có đường bộ đi qua, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) phải xây dựng đường gom và các điểm đầu nối theo quy định tại Thông tư này đối với đoạn đường bộ sẽ nằm trong nội thành, nội thị.

3. Các đường từ nhà ở chỉ được đầu nối vào quốc lộ thông qua đường nhánh; các đường đã có từ trước phải được xóa bỏ và thay thế bằng đường gom theo quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt.

4. Việc sử dụng hành lang an toàn ở nơi đường bộ, đường sắt chồng lấn phải có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan quản lý đường sắt có thẩm quyền.

5. Việc quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được.

6. Không được sử dụng gầm cầu đường bộ làm nơi ở, hoạt động kinh doanh dịch vụ, điểm dừng xe, bến xe gây mất an toàn công trình cầu, mất an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường.

Việc sử dụng gầm cầu đường bộ trong đô thị làm bãi đỗ xe tạm thời phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với gầm cầu trên đường đô thị do địa phương quản lý; Bộ Giao thông vận tải quyết định đối với gầm cầu trên quốc lộ đi qua đô thị trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Sở Giao thông vận tải là cơ quan chịu trách nhiệm về việc tổ chức sử dụng gầm cầu đường bộ trong đô thị làm bãi đỗ xe tạm thời. Bãi đỗ xe tạm thời phải đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa cầu theo quy định.

7. Đối với các dự án thủy điện, thủy lợi có tuyến tránh ngập và các dự án khác có tuyến tránh:

a) Kinh phí xây dựng tuyến tránh do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm.

b) Chủ đầu tư dự án ngay từ bước lập dự án về hướng tuyến, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan đối với quốc lộ phải có ý kiến thỏa thuận của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận đối với hệ thống đường địa phương.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này để quy định cụ thể việc sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của địa phương.

### **Điều 11. Quản lý, sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư và đường chuyên dùng**

1. Việc xây dựng công trình thiết yếu, xây dựng, cải tạo các nút giao thông, điểm đầu nối liên quan đến công trình đường bộ được đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư (PPP), cơ quan đường bộ có thẩm quyền khi thực hiện thỏa thuận quy hoạch, chấp thuận xây dựng, chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công, ngoài việc thực hiện các quy định của Thông tư này còn phải lấy ý kiến bằng văn bản của Nhà đầu tư dự án PPP về các vấn đề an toàn giao thông, ảnh hưởng đến kết cấu công trình, thu phí và các vấn đề khác có liên quan.

2. Việc xây dựng công trình thiết yếu, xây dựng, cải tạo các nút giao thông, điểm đầu nối liên quan đến đường chuyên dùng thì do tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác đường chuyên dùng đó quyết định.

### **Điều 12. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ**

1. Công trình thiết yếu bao gồm:

a) Công trình phục vụ yêu cầu đảm bảo an ninh, quốc phòng;

b) Công trình có yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật không thể bố trí ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ như: viễn thông; điện lực; đường ống cấp nước, thoát nước, xăng, dầu, khí, năng lượng, hóa chất.

2. Trường hợp không thể xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, công trình thiết yếu có thể được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Công trình thiết yếu phải được thiết kế, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các thủ tục khác theo quy định của pháp luật về xây dựng;

b) Công trình thiết yếu không được ảnh hưởng đến công tác bảo trì, kết cấu và công năng của công trình đường bộ, đảm bảo an toàn cho giao thông đường bộ và các công trình khác ở xung quanh;

c) Công trình thiết yếu phải phù hợp với quy hoạch kiến trúc xây dựng, mỹ quan đô thị và bảo vệ môi trường.

3. Đối với công trình thiết yếu gắn vào cầu:

a) Không chấp thuận các công trình đường dây điện cao thế, đường ống cung cấp năng lượng (xăng dầu, ga, khí đốt), đường ống hóa chất, vật liệu có khả năng gây cháy nổ, ăn mòn;

b) Đối với cầu mới được xây dựng có thiết kế hộp kỹ thuật, bộ gá đỡ để lắp đặt các công trình thiết yếu: việc chấp thuận lắp đặt công trình thiết yếu gắn vào cầu phải phù hợp với thiết kế của công trình cầu, tải trọng, kích thước và các yếu tố khác;

c) Chủ đầu tư xây dựng công trình thiết yếu phải thuê tư vấn có đủ năng lực tiến hành thẩm tra, thẩm định việc lắp đặt công trình thiết yếu đối với an toàn giao thông, an toàn công trình cầu trước khi thực hiện thủ tục xin chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu gắn vào cầu.

#### 4. Đối với công trình thiết yếu đi ngầm qua đường bộ:

a) Đối với công trình đi ngầm qua đường bộ, phải thi công bằng phương pháp khoan ngầm, trường hợp không thể khoan ngầm mới sử dụng biện pháp đào cắt mặt đường;

b) Không cho phép các công trình thiết yếu đặt trong cống thoát nước ngang. Trường hợp đi qua các cống kỹ thuật nếu còn đủ không gian thì cho phép chủ công trình thiết yếu lắp đặt trong cống kỹ thuật;

c) Trường hợp xây dựng công trình thiết yếu ngang qua đường bộ bằng phương pháp khoan ngầm phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau: có đường ống hoặc hộp bao bên ngoài bằng vật liệu bền vững đảm bảo ổn định của công trình thiết yếu và phù hợp với tải trọng của đường bộ; khoảng cách từ điểm thấp nhất của mặt đường đến điểm cao nhất của công trình thiết yếu tối thiểu 01 mét nhưng không nhỏ hơn chiều dày kết cấu áo đường (trừ các trường hợp đặc biệt được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận);

d) Trường hợp phải đào cắt mặt đường để xây dựng công trình thiết yếu ngang qua đường bộ phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau: phải xây dựng hầm kiên cố đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế của tuyến đường; điểm cao nhất của kết cấu hầm phải được đặt cách điểm thấp nhất của mép đường tối thiểu 1,5 mét; hầm phải có đủ không gian để đặt công trình và thực hiện công tác bảo trì công trình; phải có quy trình vận hành khai thác, bảo trì công trình.

#### 5. Đối với băng tải được lắp đặt ngang qua đường bộ:

a) Vị trí lắp đặt băng tải không được ảnh hưởng đến an toàn giao thông và cảnh quan môi trường tại khu vực lắp đặt công trình;

b) Trường hợp băng tải hàng hóa được xây dựng vượt trên đường bộ phải đảm bảo các quy định về khoảng cách chiều cao, chiều ngang theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư này, phải được thẩm tra an toàn giao thông. Đoạn băng tải vượt qua đường bộ phải được bao kín, đảm bảo mỹ quan, vệ sinh môi trường;

c) Hồ sơ thiết kế xây dựng băng tải phải được thẩm tra, thẩm định về an toàn công trình theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

#### 6. Đối với công trình tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước:



a) Không lắp đặt công trình tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong phạm vi đường cong bằng, đường cong đứng, đường dốc gây cản trở tầm nhìn;

b) Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình tuyên truyền phải được thẩm tra, thẩm định về an toàn công trình theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Xử lý sự cố đối với các công trình thiết yếu: khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về sự cố công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chủ sử dụng công trình thiết yếu phải có trách nhiệm khắc phục ngay sự cố. Trường hợp không khắc phục kịp thời gây ảnh hưởng đến giao thông đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ tổ chức khắc phục để đảm bảo giao thông thông suốt và an toàn. Chủ sử dụng công trình thiết yếu phải chịu toàn bộ trách nhiệm và kinh phí khắc phục sự cố.

8. Trường hợp công trình thiết yếu xây dựng bên ngoài phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền có ý kiến chấp thuận.

9. Công trình thiết yếu được chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công, phải di chuyển kịp thời theo yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền mà không được bồi thường, hỗ trợ di chuyển; chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan đến việc xây dựng, di chuyển công trình thiết yếu.

### **Điều 13. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác**

1. Bộ Giao thông vận tải chấp thuận đối với công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cao tốc.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận đối với các dự án sau:

a) Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có tổng chiều dài lớn hơn 1 km trên các tuyến, đoạn tuyến đường bộ;

b) Công trình xây dựng đường dây điện 35 kV trở lên; đường ống cấp, thoát nước có đường kính trên 200 milimét; các công trình thủy lợi, băng tải; các đường ống năng lượng, hóa chất nguy hiểm có nguy cơ cháy nổ, ăn mòn kim loại; các công trình có xây dựng cầu, cống cắt qua đường bộ;

c) Xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến phạm vi quản lý của từ hai cơ quan trực tiếp quản lý quốc lộ trở lên;

d) Xây dựng công trình thiết yếu lắp đặt vào cầu có tổng chiều dài phân nhịp lớn hơn 100 mét; hầm đường bộ.

3. Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với:

a) Xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến đường được giao quản lý và không thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, 2 Điều này;

b) Dự án sửa chữa công trình thiết yếu liên quan đến quốc lộ được giao quản lý.

4. Hồ sơ đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu:

a) Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hồ sơ thiết kế trong đó có bình đồ, trắc dọc, trắc ngang vị trí đoạn tuyến có xây dựng công trình. Nếu hồ sơ thiết kế là hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công, đối với công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác, phải có Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế (bản sao có công chứng);

c) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

5. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

6. Thời hạn giải quyết: trong 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo quy định.

7. Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu có giá trị trong thời gian 18 tháng kể từ ngày ban hành; nếu quá 18 tháng, phải thực hiện thủ tục gia hạn. Thủ tục gia hạn quy định như sau:

a) Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thời gian giải quyết: trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn gia hạn theo quy định;

c) Thời gian gia hạn: chỉ thực hiện việc gia hạn 01 lần với thời gian không quá 12 tháng;

d) Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

#### **Điều 14. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công là Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải được giao quản lý tuyến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

c) 02 bản thiết kế bản vẽ thi công, trong đó có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

3. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết: trong 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu hạng mục công trình đường bộ.

### **Điều 15. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sử dụng công trình thiết yếu**

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Kiểm tra, giám sát chất lượng thi công công trình thiết yếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ;

b) Sửa chữa, hoàn trả nguyên trạng và bảo hành chất lượng các công trình đường bộ bị ảnh hưởng do việc thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

c) Nộp hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ, bổ sung, cập nhật vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

2. Trách nhiệm của chủ sử dụng, khai thác công trình thiết yếu:

a) Quản lý, bảo trì công trình theo quy định, đảm bảo an toàn công trình;

b) Không làm ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, các công trình xung quanh và công tác bảo trì công trình đường bộ trong quá trình khai thác, sử dụng;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra tai nạn khi thực hiện việc bảo dưỡng thường xuyên công trình thiết yếu;

d) Thực hiện việc đề nghị cấp Giấy phép thi công khi sửa chữa định kỳ, nếu ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững công trình đường bộ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

### **Điều 16. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác**

1. Việc lắp đặt biển quảng cáo trong hoặc ngoài hành lang an toàn đường bộ tuân theo các quy định của pháp luật về quảng cáo và về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Cá nhân, tổ chức được phép lắp đặt biển quảng cáo chịu toàn bộ trách nhiệm liên quan do việc lắp đặt biển quảng cáo gây ra.

2. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo tính từ mép đất của đường bộ đến điểm gần nhất của biển quảng cáo tối thiểu bằng 1,3 lần chiều cao của biển (điểm cao nhất của biển) và không được nhỏ hơn 05 mét.

3. Giới hạn khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang của biển quảng cáo lắp đặt ngoài phạm vi đất dành cho đường bộ theo quy định tại khoản 2 Điều này. Nếu giới hạn này bị vi phạm, đơn vị quản lý đường bộ đề nghị cơ quan cấp phép xây dựng biển quảng cáo yêu cầu tổ chức, cá nhân dừng việc lắp đặt biển quảng cáo.

4. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác được phân cấp như sau:

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận xây dựng biển quảng cáo đối với hệ thống quốc lộ;

b) Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý.

5. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận xây dựng, thủ tục cấp phép thi công thực hiện như đối với công trình thiết yếu.

**Điều 17. Xây dựng công trình thiết yếu trên các tuyến quốc lộ được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo**

1. Khi lập dự án xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo hoặc nắn chỉnh tuyến, xây dựng tuyến tránh, Chủ đầu tư dự án phải:

a) Gửi thông báo đến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan về thông tin cơ bản của dự án (cấp kỹ thuật, quy mô, hướng tuyến, mặt cắt ngang, thời gian dự kiến khởi công và hoàn thành) để các tổ chức có nhu cầu xây dựng các công trình thiết yếu được biết;

b) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ báo cáo về cấp quyết định đầu tư để xem xét, quyết định;

c) Căn cứ ý kiến của cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư dự án đường bộ thông báo cho tổ chức có công trình thiết yếu biết việc xây dựng hộp kỹ thuật hoặc việc thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình của dự án đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xây dựng công trình thiết yếu có liên quan đến dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo quốc lộ phải:

a) Gửi văn bản đề nghị (kèm theo yêu cầu thiết kế kỹ thuật của hạng mục công trình thiết yếu sẽ xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) đến chủ đầu tư dự án xây dựng quốc lộ;

b) Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu và đồng bộ với quá trình thi công dự án đường bộ.

3. Khi có nhu cầu thi công, lắp đặt công trình thiết yếu trong hộp kỹ thuật của công trình đường bộ đã được xây dựng, chủ đầu tư dự án có công trình thiết yếu thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư này để được cấp Giấy phép thi công và chi trả kinh phí thuê hộp kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

4. Mọi chi phí phát sinh để thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn, bền vững công trình đường bộ khi xây dựng công trình thiết yếu gây ra do Chủ đầu tư công trình thiết yếu chi trả.

**Điều 18. Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác**

1. Trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ (trừ dự án do Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam là cấp quyết định đầu tư hoặc chủ đầu tư), chủ đầu tư dự án gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy mô, giải pháp thiết kế đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để được xem xét giải quyết.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác phải đề nghị Cục quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải được giao quản lý tuyến đường cấp Giấy phép thi công.

3. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này;

5. Thời hạn giải quyết: trong 7 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Đối với các dự án nâng cấp, cải tạo đường bộ đang khai thác do Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam là chủ đầu tư, không phải đề nghị cấp giấy phép thi công; nhưng trước khi thi công, Ban Quản lý dự án hoặc nhà thầu thi công phải gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền hồ sơ có liên quan gồm: quyết định duyệt dự án, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt kể cả phương án thi công, biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông để cơ quan quản lý đường bộ xem xét, thỏa thuận bằng văn bản về thời gian thi công, biện pháp tổ chức bảo đảm an toàn giao thông khi thi công.

7. Tổ chức, cá nhân quản lý, bảo trì đường bộ làm công tác bảo dưỡng thường xuyên không phải đề nghị cấp Giấy phép thi công nhưng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

8. Đối với đường bộ do địa phương quản lý, bảo trì, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định để phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế của địa phương, trừ quốc lộ được ủy thác quản lý.

#### **Điều 19. Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính**

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

a) Đối với trường hợp nộp trực tiếp: sau khi kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ; nếu không đúng quy định, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

b) Đối với trường hợp nộp gián tiếp (qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác), cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

c) Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục tiến hành thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện, có văn bản chấp thuận hoặc cấp Giấy phép thi công. Trường hợp không chấp thuận hoặc không cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

## **Chương IV**

### **ĐẦU NỐI ĐƯỜNG NHÁNH VÀO QUỐC LỘ**

#### **Điều 20. Đường nhánh đầu nối vào quốc lộ**

1. Đường nhánh đầu nối vào quốc lộ bao gồm:

a) Đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị;

b) Đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu;

c) Đường chuyên dùng gồm: đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ, đường phục vụ thi công, đường khu công nghiệp, đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ;

d) Đường gom, đường nối từ đường gom.

2. Đường nhánh đầu nối vào quốc lộ phải thông qua điểm đầu nối thuộc quy hoạch điểm đầu nối đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt sau khi có văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải.

3. Đầu nối đường nhánh vào quốc lộ trong phạm vi đô thị thực hiện theo quy hoạch đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thiết kế nút giao của đường nhánh đầu nối vào quốc lộ phải phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

5. Không quy hoạch điểm đầu nối vào đường cao tốc. Việc kết nối giao thông vào đường cao tốc được thực hiện theo thiết kế kỹ thuật của tuyến đường.

6. Đầu nối đường nhánh vào dự án quốc lộ được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo nắn chỉnh tuyến hoặc xây dựng tuyến tránh:

a) Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có dự án đi qua, chủ đầu tư quốc lộ xác định các nút giao (nút giao khác mức liên thông hoặc trực thông, nút giao đồng mức) giữa các tuyến đường bộ hiện có với dự án quốc lộ được xây dựng, xác định vị trí vào các trạm dịch vụ theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô, gửi phương án thiết kế tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin ý kiến phê duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh mục các điểm đầu nối (kể cả cửa hàng xăng dầu) theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy tại khoản 3 Điều 22 Thông tư này để được thỏa thuận trước khi phê duyệt dự án, thiết kế kỹ thuật tuyến đường.

#### **Điều 21. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào quốc lộ**

1. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào quốc lộ quy định tại điểm khoản 1 Điều 20 của Thông tư này nằm trong khu vực nội thành, nội thị: căn cứ vào quy hoạch đô thị, khoảng cách giữa các điểm đầu nối xác định theo

quy hoạch giao thông đô thị đã được cơ quan có thẩm quyền về quy hoạch đô thị phê duyệt.

2. Khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối vào quốc lộ quy định tại điểm khoản 1 Điều 20 của Thông tư này nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị:

a) Khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến dọc theo quốc lộ, cụ thể như sau: đối với tuyến đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 5.000 mét, đối với đường cấp III không nhỏ hơn 1.500 mét, đối với đường cấp IV trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét;

b) Đối với các tuyến quốc lộ có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến dọc quốc lộ, cụ thể như sau: đối với tuyến đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 2.000 mét, đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 1.000 mét;

c) Trường hợp khu vực có địa hình mà hành lang an toàn đường bộ bị chia cắt như núi cao, vực sâu, sông, suối và các chướng ngại vật khác không thể di dời được khoảng cách giữa hai điểm đầu nối phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề (tính từ điểm giữa cửa cửa hàng) đầu nối đường dẫn ra, vào quốc lộ phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, đồng thời phải bảo đảm khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu, như sau:

a) Trong khu vực nội thành, nội thị: đối với tuyến đường có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề cùng phía dọc theo mỗi bên tuyến quốc lộ không nhỏ hơn 1.000 mét; đối với tuyến đường không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên của đoạn tuyến quốc lộ không nhỏ hơn 2.000 mét;

b) Ngoài khu vực nội thành, nội thị: đối với đường có dải phân cách giữa, có đủ quỹ đất để xây dựng làn chuyển tốc (phương tiện qua nút giao chỉ rẽ phải), khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề cùng phía dọc theo mỗi bên của đoạn quốc lộ không nhỏ hơn 6.000 mét; đối với tuyến đường không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa hai cửa hàng xăng dầu liền kề dọc theo mỗi bên của đoạn tuyến quốc lộ không nhỏ hơn 12.000 mét.

4. Đối với cửa hàng xăng dầu được quy hoạch ở lân cận hoặc trùng với điểm đầu nối của đường nhánh khác, phải điều chỉnh để tại vị trí đó chỉ tồn tại một điểm đầu nối theo hướng ưu tiên điểm đầu nối của công trình có trước hoặc sử dụng chung.

## **Điều 22. Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ**

1. Quy hoạch các điểm đầu nối bao gồm việc xác định vị trí và hình thức giao cắt giữa quốc lộ với các đường nhánh để xây dựng các nút giao thông và phương án tổ chức giao thông nhằm bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giao nhiệm vụ cho đơn vị tư vấn có đủ năng lực xây dựng quy hoạch các điểm đầu nối và giao cho các cơ

quan chức năng của địa phương thẩm định nội dung của quy hoạch các điểm đầu nối trước khi thoả thuận với Bộ Giao thông vận tải. Việc lập quy hoạch các điểm đầu nối có thể thực hiện cho tất cả các tuyến quốc lộ hoặc lập riêng cho từng tuyến quốc lộ qua địa bàn.

### 3. Thoả thuận quy hoạch các điểm đầu nối:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị thoả thuận kèm theo 02 bộ hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối (cả dữ liệu điện tử của hồ sơ quy hoạch) về Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam nghiên cứu hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để báo cáo, trình Bộ Giao thông vận tải xem xét thoả thuận quy hoạch các điểm đầu nối; trường hợp cần thiết Tổng cục Đường bộ Việt Nam có ý kiến bằng văn bản đề nghị địa phương bổ sung, điều chỉnh trước khi trình Bộ Giao thông vận tải thoả thuận.

### **Điều 23. Trình tự thực hiện quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ**

1. Thu thập thông tin về cấp kỹ thuật hiện tại và cấp kỹ thuật theo quy hoạch của quốc lộ cần đầu nối.

#### 2. Khảo sát, thống kê

a) Các đường nhánh hiện có theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư này; xác định các điểm đầu nối đường nhánh đã được và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; các vị trí điểm đầu nối phù hợp với quy định về nút giao thông của tiêu chuẩn hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô;

b) Các đoạn tuyến quốc lộ trong đô thị, ngoài đô thị; tổng hợp các đoạn tuyến không đủ quỹ đất để xây dựng đường gom, các công trình và điều kiện địa hình cản trở việc xây dựng đường gom liên tục theo chiều dài quốc lộ;

c) Các đường nhánh có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 mét chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ đã đầu nối tự phát vào quốc lộ trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ có hiệu lực mà chưa có nhu cầu cải tạo, mở rộng điểm đầu nối vào quốc lộ phải thực hiện xóa bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 29;

d) Cửa hàng xăng dầu đã xây dựng theo quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc Bộ Công Thương) phê duyệt, trong đó phân loại cửa hàng xăng dầu đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép và không cho phép sử dụng tạm thời hành lang an toàn đường bộ để làm đường dẫn ra, vào; trường hợp địa phương chưa có quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu, cơ quan được giao nhiệm vụ quy hoạch các điểm đầu nối phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về công thương cấp tỉnh lập quy hoạch các điểm đầu nối là đường dẫn ra, vào cửa hàng xăng dầu.

3. Tổng hợp ý kiến thẩm định của các cơ quan chức năng địa phương về các nội dung: sự phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch về sử dụng đất, đặc biệt là quy hoạch đất xây dựng đường gom; quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu có liên quan đến việc khai thác sử dụng các điểm đầu nối.



4. Quy hoạch các điểm đầu nối của mỗi tuyến quốc lộ được lập thành bộ hồ sơ riêng để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý.

#### **Điều 24. Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ**

Hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ gồm:

1. Thuyết minh quy hoạch các điểm đầu nối:

a) Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực hai bên quốc lộ được quy hoạch các điểm đầu nối;

b) Hiện trạng của tuyến quốc lộ: cấp đường, điểm đầu, điểm cuối; các vị trí đặc biệt (khu vực nội thành, nội thị, cầu lớn, hầm đường bộ, điểm giao cắt với đường sắt); tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến; các thông tin về quy hoạch của tuyến đường;

c) Bản giải trình lý do các đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ; lý do các điểm đầu nối trong quy hoạch nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo quy định; lộ trình xóa bỏ các đường nhánh có quy mô nhỏ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23;

d) Quy hoạch hệ thống các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

đ) Quy hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc các đô thị có tuyến quốc lộ đi qua (nếu có);

e) Ý kiến của Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý quốc lộ đối với nội dung của quy hoạch các điểm đầu nối.

2. Bảng quy hoạch các điểm đầu nối:

a) Bảng tổng hợp một số nội dung cơ bản về hiện trạng và quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ;

b) Bình đồ thể hiện các nội dung của bảng tổng hợp quy hoạch các điểm đầu nối.

#### **Điều 25. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch**

1. Phê duyệt và thực hiện quy hoạch

a) Căn cứ văn bản thoả thuận của Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch; gửi hồ sơ quy hoạch đã được phê duyệt về Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp thực hiện.

b) Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối có trong quy hoạch, căn cứ văn bản cho phép sử dụng điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối lập hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Thông tư này để được giải quyết.

2. Sau khi xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng các điểm đầu nối theo quy hoạch các điểm đầu nối được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xóa bỏ các điểm không đảm bảo khoảng cách tối thiểu ở lân cận điểm đầu nối đó.

3. Các địa phương đã có thoả thuận quy hoạch các điểm đầu nối với Bộ Giao thông vận tải hoặc đã gửi hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối về Bộ Giao

thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam (theo dấu bưu điện) trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu thấy cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP và Thông tư này, gửi hồ sơ quy hoạch các điểm đầu nối điều chỉnh về Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường bộ Việt Nam để xem xét, giải quyết.

**Điều 26. Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ**

1. Trước khi nâng cấp, cải tạo nút giao, chủ công trình, dự án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao sử dụng điểm đầu nối thuộc quy hoạch các điểm đầu nối đã được phê duyệt, căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành, lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ.

2. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật nút giao đầu nối vào quốc lộ:

a) Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, lưu giữ hồ sơ của nút giao đầu nối liên quan đến đường cấp I, đường cấp II và đường cấp III;

b) Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông, lưu giữ hồ sơ của các nút giao đầu nối liên quan đến đường cấp IV trở xuống được giao quản lý;

3. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông của nút giao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu); hoặc văn bản thỏa thuận của Bộ Giao thông vận tải cho phép đầu nối đường nhánh vào quốc lộ đối với các trường hợp quốc lộ chưa có quy hoạch các điểm đầu nối vào quốc lộ được phê duyệt (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

c) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu) giao tổ chức, cá nhân làm chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng nút giao;

d) Thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao (có biện pháp tổ chức thi công bảo đảm an toàn giao thông) do tổ chức tư vấn được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ lập (bản chính).

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

5. Thời hạn giải quyết trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

6. Các dự án đường bộ xây dựng mới có đầu nối vào quốc lộ đã được Bộ Giao thông vận tải hoặc Tổng cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt thiết kế kỹ thuật không phải thực hiện bước đề nghị chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông.

7. Văn bản chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao có giá trị trong thời gian 12 tháng kể từ ngày ký ban hành, nếu quá 12 tháng phải thực hiện việc gia hạn. Thủ tục gia hạn như quy định đối với việc gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu tại khoản 7 Điều 13 của Thông tư này.

### **Điều 27. Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ**

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ là Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải được giao quản lý tuyến quốc lộ.

2. Hồ sơ đề nghị cấp phép thi công xây dựng nút giao đầu nối vào quốc lộ:

a) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế nút giao của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

c) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính).

d) Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ.

3. Trình tự, cách thức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

4. Thời hạn giải quyết: trong 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

5. Nút giao phải được cơ quan cấp phép thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

6. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ và phải nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công để cơ quan cấp phép thi công lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

7. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao; việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông; khi sửa chữa định kỳ nút giao phải đề nghị cấp phép thi công theo quy định tại Điều này.

### **Điều 28. Đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác**

1. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời có thời hạn để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc; hết thời hạn đầu nối tạm sẽ hoàn trả hiện trạng ban đầu của hành lang an toàn đường bộ.

2. Thời hạn sử dụng điểm đầu nổi tạm thời không quá 12 tháng, trường hợp đặc biệt có thể gia hạn 01 (một) lần nhưng tổng thời gian mở điểm đầu nổi tạm không quá 24 tháng. Sau thời hạn này, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm xóa bỏ điểm đầu nổi tạm thời và hoàn trả hành lang an toàn đường bộ như ban đầu; trường hợp dự án, công trình có tiến độ thi công lớn hơn 24 tháng, phải làm đường gom nổi từ dự án đến nút giao điểm đầu nổi gần nhất có trong quy hoạch các điểm đầu nổi đã được phê duyệt.

3. Hồ sơ đề nghị đầu nổi tạm thời có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác

a) Văn bản đề nghị chấp thuận đầu nổi tạm thời nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đầu nổi, thời gian sử dụng điểm đầu nổi tạm thời;

b) Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cơ quan có thẩm quyền, các tài liệu liên quan khác (nếu có);

c) Văn bản của Cục Quản lý đường bộ (đối với quốc lộ được giao quản lý) về hiện trạng đoạn tuyến có điểm thỏa thuận đầu nổi tạm thời, ảnh hưởng đến an toàn giao thông nếu mở điểm đầu nổi tạm thời, đề xuất phương án xử lý;

d) Bản vẽ bình đồ đoạn tuyến có điểm đầu nổi tạm thời và phương án tổ chức giao thông của nút giao.

4. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu nổi tạm thời gửi 01 bộ hồ sơ về Sở Giao thông vận tải.

b) Thủ tục tiếp nhận theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 19 của Thông tư này.

c) Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh gửi văn bản đề nghị thỏa thuận điểm đầu nổi tạm thời đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này. Văn bản Ủy ban nhân dân tỉnh nêu rõ lý do, vị trí, lý trình điểm đầu nổi, thời gian sử dụng điểm đầu nổi tạm thời và ý kiến liên quan đến hoàn trả hiện trạng ban đầu.

d) Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, chấp thuận đầu nổi tạm thời trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp không chấp thuận đầu nổi tạm thời phải trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản trả lời chủ đầu tư dự án.

5. Việc chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công điểm đầu nổi tạm thời thực hiện theo quy định tại Điều 26 và Điều 27 Thông tư này.

**Điều 29. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ**

1. Đường dân sinh đầu nổi tự phát vào quốc lộ trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP có hiệu lực sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ, có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5 mét, trong khi chưa xây dựng được

đường gom, cho phép tồn tại và giữ nguyên hiện trạng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Các cửa hàng xăng dầu đã đầu nối vào quốc lộ theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, nếu không đủ khoảng cách tối thiểu giữa hai cửa hàng xăng dầu theo quy định tại Thông tư này, được tiếp tục tồn tại nhưng địa phương phải hoàn thành việc điều chỉnh hoặc xóa bỏ theo quy hoạch trước ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các cửa hàng xăng dầu xây dựng tự phát, đầu nối trái phép vào quốc lộ hoặc nằm trong hành lang an toàn đường bộ, quy mô không bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Công trình nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ nhưng chưa ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ được tạm thời tồn tại nhưng phải giữ nguyên hiện trạng không được coi nới, mở rộng; người sử dụng đất phải ký cam kết với Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị trực tiếp quản lý tuyến đường về việc không coi nới, mở rộng. Trường hợp công trình bị xuống cấp, chưa được nhà nước đền bù, giải toả và người sử dụng có nhu cầu đề sử dụng, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan quản lý tuyến đường kiểm kê đất, tài sản trên đất đề có cơ sở đền bù hoặc thống nhất phương án sửa chữa.

4. Trường hợp sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ có ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất và giải quyết bồi thường, hỗ trợ đối với đất và tài sản gắn liền với đất đã có trước khi hành lang an toàn đường bộ được công bố.

5. Trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, kiên quyết giải toả, không bồi thường cho các tổ chức, cá nhân vi phạm.

6. Cơ sở giải quyết việc đền bù, giải toả khi bắt buộc di dời các công trình tồn tại trong hành lang an toàn theo quy định của pháp luật hiện hành phải căn cứ mốc thời gian xây dựng công trình nằm trong hành lang an toàn đường bộ.

Các Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải chỉ đạo các đơn vị quản lý đường bộ trực thuộc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tài liệu điều tra, lưu trữ để lập bình đồ duỗi thẳng thể hiện vị trí, thời gian xây dựng, quy mô các công trình nằm trong đất hành lang an toàn giao thông quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP theo các mốc thời gian sau đây:

a) Công trình xây dựng trước ngày 21 tháng 12 năm 1982 là thời gian chưa có quy định cụ thể về hành lang an toàn đường bộ;

b) Công trình xây dựng từ ngày 21 tháng 12 năm 1982 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2000 là giai đoạn cắm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 203/HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành Điều lệ đường bộ;

c) Công trình xây dựng từ ngày 01 tháng 01 năm 2000 đến trước ngày 30 tháng 11 năm 2004 là giai đoạn cắm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 12

năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ;

d) Công trình xây dựng từ ngày 30 tháng 11 năm 2004 đến trước ngày 15 tháng 4 năm 2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 186/2004/NĐ-CP của Chính phủ;

đ) Công trình xây dựng từ ngày 15 tháng 04 năm 2010 là giai đoạn cấm xây dựng, coi nới và lấn chiếm trong hành lang an toàn theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

### **Điều 30. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đường bộ hoặc chủ đầu tư đối với đường đang triển khai dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo**

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xây dựng phương án cấm mốc giới hạn xác định hành lang an toàn đường bộ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã công bố công khai và tổ chức việc cắm mốc lộ giới trên thực địa, bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo vệ phạm vi hành lang an toàn đường bộ đã được cắm mốc lộ giới.

2. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời các hành vi lấn, chiếm và sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ. Khi phát hiện vi phạm phải yêu cầu đình chỉ hành vi vi phạm và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Thanh tra đường bộ để phối hợp lập biên bản vi phạm hành chính và xử lý theo thẩm quyền.

3. Phối hợp với Thanh tra đường bộ và các cơ quan chức năng của chính quyền địa phương thực hiện giải toả công trình lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ thuộc phạm vi đơn vị trực tiếp quản lý; đồng thời, định kỳ báo cáo cơ quan quản lý đường bộ cấp trên về công tác quản lý hành lang an toàn đường bộ.

### **Điều 31. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ và Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch và biện pháp xử lý các vi phạm hành lang an toàn đường bộ chưa được xử lý, giải quyết triệt để;

b) Báo cáo kết quả và những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ về Tổng cục Đường bộ Việt Nam (đối với quốc lộ) hoặc về Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với các đường thuộc địa phương quản lý) để tiếp tục có biện pháp giải quyết;

c) Cập nhật số liệu của công trình thiết yếu được xây dựng mới, công trình sửa chữa, cải tạo nâng cấp vào sơ đồ quản lý công trình thiết yếu của tuyến đường bộ được giao quản lý;

d) Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, cập nhật thông tin bổ sung vào hồ sơ quản lý công trình của tuyến đường bộ được giao quản lý; gửi văn bản thoả thuận, giấy phép thi công về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Thanh tra Sở Giao thông vận tải để theo dõi, giám sát và xử lý khi có vi phạm xảy ra theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam căn cứ các quy định tại Thông tư này, tổ chức thực hiện công tác quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với hệ thống quốc lộ trong phạm vi cả nước.

### 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giao đất, cho thuê đất, cấp chứng chỉ quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng dọc hai bên đường bộ;

b) Đầu tư xây dựng hệ thống đường gom (nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ) dọc hai bên quốc lộ theo quy hoạch các điểm đầu nối đã phê duyệt; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng đầu nối trực tiếp vào quốc lộ.

### 4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Giải tỏa các công trình ảnh hưởng đến phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông đường bộ và không ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ và hoạt động giao thông vận tải;

b) Tổ chức thực hiện cưỡng chế để giải tỏa vi phạm, lập lại trật tự hành lang an toàn đường bộ; ngăn chặn và chấm dứt tình trạng tái lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ;

c) Phối hợp với Đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra đường bộ xử lý theo thẩm quyền các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất dành cho đường bộ.

### 5. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Phát hiện và phối hợp với Đơn vị quản lý đường bộ, Thanh tra đường bộ xử lý kịp thời, theo thẩm quyền các hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ;

b) Tiếp nhận bàn giao và quản lý, bảo vệ mốc lộ giới.

## **Điều 32. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và các cơ quan khác**

### 1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm

a) Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, phát hiện và thông báo kịp thời đến cơ quan quản lý đường bộ hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đặc biệt trong trường hợp không chấp hành yêu cầu của đơn vị quản lý đường bộ hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật khi tiến hành lập biên bản vi phạm và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

### 2. Thanh tra đường bộ

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý bảo dưỡng tuyến đường xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi trách nhiệm được giao;

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý bảo dưỡng tuyến đường hoàn thiện hồ sơ vi phạm hành lang an toàn đường bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị cưỡng chế để giải tỏa;

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý bảo dưỡng tuyến đường hoàn thiện hồ sơ vi phạm công trình đường bộ, lấn, chiếm và sử dụng trái phép đất của đường bộ; xử lý theo thẩm quyền. Trường hợp hành vi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng, chuyển hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo thẩm quyền; phối hợp với đơn vị quản lý đường bộ trong việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

## **Chương V**

### **ĐẶT SỐ HIỆU VÀ MÃ SỐ ĐƯỜNG TỈNH**

#### **Điều 33. Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường tỉnh**

1. Nguyên tắc, cách đặt số hiệu đường tỉnh theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

2. Đường tỉnh đã được đặt số hiệu trước khi Thông tư này có hiệu lực giữ nguyên như cũ.

#### **Điều 34. Mã số đường tỉnh**

1. Mã số đường tỉnh để đặt số hiệu của hệ thống đường tỉnh.

2. Mã số đường tỉnh là số tự nhiên có 03 (ba) chữ số; quy định mã số đường tỉnh cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

## **Chương VI**

### **BẢO ĐẢM GIAO THÔNG VÀ AN TOÀN GIAO THÔNG KHI THI CÔNG TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ ĐANG KHAI THÁC**

#### **Mục 1**

#### **TRƯỚC KHI THI CÔNG**

**Điều 35. Cấp Giấy phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác**

1. Việc xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình thiết yếu, công trình đường bộ, cầu, hầm, biển quảng cáo tạm thời xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chỉ được thực hiện sau khi có Giấy phép thi công do Cục Quản lý đường bộ hoặc Sở Giao thông vận tải (cơ quan được giao trực tiếp quản lý tuyến quốc lộ) cấp, giấy phép thi công theo mẫu tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chủ đầu tư dự án công trình hoặc nhà thầu thi công gửi hồ sơ đề nghị được cấp phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ



tầng giao thông đường bộ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét giải quyết theo quy định tại các Điều 13, 14, 16, 17, 18 Thông tư này.

### **Điều 36. Nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường để thi công**

1. Tổ chức, cá nhân đã được cấp phép thi công hoặc có văn bản thỏa thuận thi công phải làm thủ tục nhận bàn giao hiện trường, mặt bằng để thi công với đơn vị quản lý đường bộ.

2. Tổ chức, cá nhân thi công phải chịu trách nhiệm quản lý và bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn; đồng thời, chịu mọi trách nhiệm nếu không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông để xảy ra tai nạn giao thông kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, hiện trường.

## **Mục 2**

### **TRONG KHI THI CÔNG**

#### **Điều 37. Biện pháp và thời gian thi công**

1. Trong suốt quá trình thi công, tổ chức, cá nhân phải thực hiện đúng biện pháp, thời gian thi công đã được thông nhất, phải bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định và không được gây hư hại các công trình đường bộ hiện có, trong trường hợp không thể tránh được, phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền về biện pháp bảo vệ hoặc tạm thời tháo dỡ, di dời và thi công hoàn trả hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân thi công phải chịu sự kiểm tra, giám sát của đơn vị quản lý đường bộ và thanh tra giao thông đường bộ trong việc thực hiện các quy định bảo đảm an toàn giao thông khi thi công tại Thông tư này; đồng thời chịu mọi trách nhiệm về sự mất an toàn giao thông do thi công gây ra.

#### **Điều 38. Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ**

1. Tổ chức, cá nhân thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Không để vật liệu, phương tiện thi công che khuất tầm nhìn của người tham gia giao thông trên đường bộ đang khai thác;

b) Không để khói, bụi gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên đường bộ đang khai thác;

c) Khi thi công lắp đặt các thiết bị có kích thước lớn phải có biện pháp bảo đảm an toàn; không được để rơi, đổ vào đường bộ đang khai thác;

d) Không ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của công trình đường bộ hiện có.

2. Không san, đổ, ủi đất trong phạm vi đất dành cho đường bộ mà không phục vụ việc thi công công trình hợp pháp.

### **Điều 39. Đường tránh, cầu tạm và hệ thống báo hiệu đường bộ**

1. Khi thi công cầu mới nếu tiếp tục sử dụng cầu cũ để thông xe, đơn vị thi công cầu mới phải chịu trách nhiệm đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt trên cầu cũ cho đến khi cầu mới được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.

2. Đường tránh, cầu tạm phải được hoàn thành trước khi thi công công trình chính. Đường tránh, cầu tạm phải bảo đảm cho các loại phương tiện giao thông có tải trọng và kích cỡ mà đường cũ đã cho phép qua lại an toàn. Đường tránh, cầu tạm tại quốc lộ có tiêu chuẩn kỹ thuật từ cấp III trở lên phải có ít nhất 02 làn xe.

3. Hệ thống báo hiệu bảo đảm an toàn giao thông phải được hoàn thành trước khi thi công công trình chính theo đúng quy định của Điều lệ báo hiệu đường bộ hiện hành.

### **Điều 40. Người cảnh giới**

1. Trong thời gian thi công phải có người cảnh giới, hướng dẫn giao thông; khi ngừng thi công phải có báo hiệu an toàn theo quy định như: biển chỉ dẫn, cờ và đèn đỏ vào ban đêm.

2. Người cảnh giới hướng dẫn giao thông phải đeo băng đỏ bên cánh tay trái, được trang bị cờ, còi và đèn vào ban đêm.

### **Điều 41. Biển hiệu, phù hiệu, trang phục khi thi công**

1. Tổ chức, cá nhân khi thi công phải có biển hiệu ở hai đầu đoạn đường thi công ghi rõ tên của cơ quan quản lý dự án hoặc chủ quản; tên đơn vị thi công, lý trình thi công, địa chỉ văn phòng công trường, số điện thoại liên hệ và tên của người chỉ huy trưởng công trường.

2. Người chỉ huy công trường phải có phù hiệu riêng để nhận biết, người làm việc trên đường phải mặc trang phục bảo hộ lao động theo quy định.

### **Điều 42. Phương tiện thi công**

1. Phương tiện thi công trên đường phải có đầy đủ thiết bị an toàn và đăng ký biển số theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài giờ thi công, phương tiện thi công phải được tập kết vào bãi. Trường hợp không có bãi tập kết, phải đưa vào sát lề đường, tại những nơi dễ phát hiện và có biển báo hiệu cho người tham gia giao thông trên đường nhận biết.

3. Phương tiện thi công hư hỏng phải tìm mọi cách đưa sát vào lề đường và phải có báo hiệu theo quy định.

### **Điều 43. Thi công nền đường, mặt đường, mặt cầu**

1. Khi thi công nền đường, mặt đường, mặt cầu phải dành lại phần nền đường, mặt đường, mặt cầu để cho xe và người đi bộ qua lại, cụ thể như sau:

- a) Mặt đường, mặt cầu rộng từ 3 làn xe trở xuống phải để ít nhất 1 làn xe;
- b) Mặt đường, mặt cầu rộng trên 3 làn xe phải để ít nhất 2 làn xe.

2. Trường hợp không đủ bề rộng 1 làn xe hoặc có nguy cơ gây ùn tắc giao thông, phải làm đường tránh, cầu tạm.

3. Trường hợp tuyến đường độc đạo, mặt đường thi công hẹp không thỏa mãn các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải đề xuất phương án đảm bảo giao thông ngay từ bước lập dự án (kể cả hỗ trợ bằng đường thủy, đường sắt); các hạng mục thành phần này phải được triển khai thi công trước, bảo đảm đưa vào khai thác trước khi thi công tuyến chính.

4. Trường hợp đào để mở rộng nền đường, đào đến đâu phải hoàn thiện ngay đến đó. Trường hợp thi công trên các đoạn nền đất yếu, đào hạ nền đường, đắp nền cao hơn 2 mét, phải có biện pháp riêng về bảo đảm giao thông và ứng phó khi gặp thời tiết xấu được tư vấn giám sát và chủ công trình chấp thuận.

5. Khi thi công móng và mặt đường: chiều dài mũi thi công không quá 300 mét, các mũi thi công cách nhau ít nhất 500 mét. Trong mùa mưa lũ, phải hoàn thành thi công dứt điểm từng đoạn sau mỗi ca, mỗi ngày, không để trôi vật liệu ra hai bên đường làm hư hỏng tài sản của người dân và gây ô nhiễm môi trường.

6. Trường hợp thi công công ngang đường không có đường tránh bảo đảm giao thông:

a) Chỉ được thi công tối đa trên 1/2 bề rộng mặt đường, 1/2 bề rộng mặt đường còn lại để bảo đảm giao thông;

b) Đường có lưu lượng xe lớn chỉ được thi công trên 1/3 chiều rộng mặt đường, 2/3 chiều rộng mặt đường còn lại để bảo đảm giao thông;

c) Đường có tiêu chuẩn kỹ thuật từ cấp III trở lên, nếu không đủ hai làn xe bảo đảm giao thông, phải đắp tạm mở rộng để bảo đảm đủ hai làn xe;

d) Đường có tiêu chuẩn kỹ thuật cấp IV, V và cấp VI, nếu không đủ một làn xe bảo đảm giao thông, phải đắp tạm mở rộng để bảo đảm đủ một làn xe;

đ) Khi thi công theo quy định tại điểm a, b, c, d Khoản này phải có hàng rào hộ lan quanh hồ đào và đặt báo hiệu theo quy định về báo hiệu đường bộ hiện hành.

7. Khi thi công trên đường phải có phương án và thời gian thi công thích hợp với đặc điểm của từng loại công trình.

#### **Điều 44. Vật liệu thi công**

1. Vật liệu thi công chỉ được đưa ra đường đủ dùng từ 2 đến 3 đoạn thi công; chiều dài để vật liệu không kéo dài quá 300 mét; không được để song song cả hai bên làm thu hẹp nền, mặt đường.

2. Phải thi công dứt điểm, thu dọn hết vật liệu thừa trên đường trước đợt mưa lũ. Trường hợp xảy ra sự cố cầu đường do mưa lũ, phải có phương án bảo đảm an toàn giao thông gửi cho đơn vị quản lý đường bộ địa phương để phối hợp.

3. Không để các loại vật liệu gây cản trở, mất an toàn giao thông và ô nhiễm môi trường.

#### **Điều 45. Thi công có sử dụng mìn hoặc có cấm đường**

1. Việc sử dụng mìn trong thi công

a) Phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu nổ;

b) Không nổ mìn từ 19 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau ở những nơi gần khu dân cư;

c) Đối với các dự án có khối lượng thi công nổ phá mìn lớn, có nhiều gói thầu, nhiều mũi thi công, chủ đầu tư phải tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương về thời gian nổ mìn, thống nhất với cơ quan cấp phép thi công và phải thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

## 2. Việc ngăn đường, cấm đường

a) Không được kéo dài quá 01 giờ và phải cách nhau ít nhất 04 giờ để bảo đảm giao thông thông suốt;

b) Phải bố trí thời gian cấm đường vào giờ thấp điểm;

c) Trường hợp quá thời gian quy định tại điểm a khoản này phải được Tổng cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận đối với quốc lộ, Sở Giao thông vận tải chấp thuận đối với đường địa phương.

## **Điều 46. Thi công chặt cây ven đường**

1. Việc chặt cây ven đường phải có báo hiệu, tổ chức gác hai đầu và bảo đảm khoảng cách an toàn.

2. Không cho cây đổ vào lòng đường gây cản trở giao thông. Trường hợp bắt buộc phải cho cây đổ vào lòng đường phải nhanh chóng đưa cây ra sát lề đường.

3. Không lao cành cây, các vật từ trên cao xuống nền, mặt đường.

## **Điều 47. Thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm**

1. Việc thi công sửa chữa cầu, kè, đường ngầm không sử dụng biện pháp ngăn, cấm đường phải tiến hành đảm bảo giao thông như sau:

a) Lắp đặt biển báo hiệu đường hẹp, biển hạn chế tốc độ, biển báo công trường theo đúng quy định;

b) Tổ chức gác chắn và có người điều hành giao thông 24/24 giờ;

c) Vật tư, thiết bị thi công đặt trong hàng rào ngăn cách giữa phần dành cho thi công với phần dành cho giao thông;

d) Hệ thống dẫn điện, nước phục vụ thi công phải được kiểm tra thường xuyên để tránh xảy ra tai nạn.

2. Trường hợp không đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này phải có đường tránh theo quy định tại Điều 39.

## **Điều 48. Thi công mở rộng đường lên, xuống bến phà, cầu phao**

1. Khi thi công sửa chữa hoặc mở rộng đường lên, xuống bến phà, cầu phao, phải đảm bảo phần còn lại của đường dành cho việc lên, xuống như sau:

a) Không nhỏ hơn 4 mét đối với đường lên, xuống cầu phao;

b) Không nhỏ hơn 6 mét đối với đường lên, xuống phà.

2. Phải có đủ thiết bị an toàn.

3. Trường hợp không đủ bề rộng tối thiểu, không đảm bảo an toàn cho xe lên, xuống phà, cầu phao phải làm bến tạm.

#### **Điều 49. Trục vót phao, phà bị đắm**

1. Thi công trục vót phao, phà bị đắm, kể cả việc thanh thải các chướng ngại vật ở lòng sông dưới cầu phải có đầy đủ hệ thống phao tiêu, báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định.

2. Phải dọn luồng cho cầu phao, phà hoạt động bình thường không để ách tắc giao thông.

#### **Điều 50. Thu dọn mặt bằng, hiện trường và tiếp nhận bàn giao**

1. Sau khi hoàn thành việc thi công một đoạn tuyến dài không quá 01 km hoặc 01 cầu, 01 cống, tổ chức, cá nhân thi công phải thu dọn toàn bộ các chướng ngại vật, hoàn trả lại mặt đường để giao thông được thông suốt, an toàn.

2. Trước khi nghiệm thu, bàn giao công trình, tổ chức, cá nhân thi công phải thu dọn, di chuyển máy móc, thiết bị, vật liệu; thanh thải các chướng ngại vật và sửa chữa các hư hỏng (nếu có) của công trình đường bộ do thi công gây ra.

3. Sau khi hoàn thành các công việc quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân thi công báo cáo chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định; bàn giao lại hiện trường, mặt bằng thi công cho đơn vị quản lý đường bộ; việc bàn giao phải được lập thành biên bản.

4. Đơn vị quản lý đường bộ phải kiểm tra thực tế hiện trường, nếu phát hiện thấy hiện trường chưa được thu dọn, công trình đường bộ bị hư hỏng do việc thi công gây ra mà không được sửa chữa, trả lại nguyên trạng có quyền từ chối nhận bàn giao hoặc yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 51. Công trình đã hoàn thành thi công nhưng chưa nghiệm thu, bàn giao công trình**

1. Chủ đầu tư phải khẩn trương hoàn thành công tác nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

2. Đối với công trình thi công trên đường bộ đang khai thác, nhà thầu thi công có trách nhiệm tiếp tục bảo đảm giao thông, an toàn giao thông đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao cho đơn vị quản lý tuyến đường.

3. Đối với công trình thi công là đường chưa khai thác, nhà thầu thi công có trách nhiệm bảo vệ công trình, không cho các phương tiện tham gia giao thông khi chưa có lệnh thông xe và chịu toàn bộ trách nhiệm có liên quan cho tới khi bàn giao cho đơn vị quản lý.

#### **Điều 52. Trách nhiệm của chủ đầu tư**

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc nhà thầu trong suốt quá trình thi công, bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong thi công công trình trên đường bộ đang khai thác.

2. Khi ký kết hợp đồng xây dựng, chủ đầu tư phải thỏa thuận với nhà thầu thi công điều, khoản xử phạt vi phạm hoặc chấm dứt hợp đồng nếu không thực hiện đầy đủ các quy định về bảo đảm giao thông, an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây mất an toàn và ùn tắc giao thông.

## Chương VII

### THẨM ĐỊNH AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

#### **Điều 53. Các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông**

##### 1. Đối với đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Bắt buộc phải thẩm định an toàn giao thông giai đoạn thiết kế kỹ thuật (dự án thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (dự án thiết kế 2 bước) và giai đoạn trước khi đưa công trình vào khai thác.

b) Ngoài các giai đoạn thẩm định bắt buộc nêu trên, người có thẩm quyền quyết định đầu tư có thể quyết định tiến hành thẩm định an toàn giao thông tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình lập dự án, thiết kế, thi công nếu thấy cần thiết.

c) Riêng đối với dự án do các địa phương là cấp quyết định đầu tư, tùy vào điều kiện thực tế có thể thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này hoặc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

##### 2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác

a) Công trình đường bộ đang khai thác phải thực hiện việc thẩm định an toàn giao thông khi xảy ra một trong các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP.

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông được quy định tại khoản 2 Điều 54 Thông tư này quyết định phê duyệt danh mục tuyến đoạn tuyến phải thẩm định an toàn giao thông đáp ứng điểm a Khoản này do đơn vị quản lý tuyến đường đề nghị.

#### **Điều 54. Thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông**

##### 1. Đối với công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo

a) Bộ Giao thông vận tải quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với dự án do Bộ Giao thông vận tải làm chủ đầu tư, dự án đầu tư theo hình thức PPP đối với đường cao tốc và quốc lộ. Chủ đầu tư, nhà đầu tư dự án PPP chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông.

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với dự án do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định đầu tư trên quốc lộ. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và tổ chức thẩm định dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, dự án đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện theo hình thức PPP. Chủ đầu tư, nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông.

##### 2. Đối với công trình đường bộ đang khai thác

a) Bộ Giao thông vận tải quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường cao tốc và quốc lộ được đầu tư theo hình thức PPP. Đơn

vị được giao quản lý đường cao tốc, Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

b) Tổng cục Đường bộ Việt Nam quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với quốc lộ. Các đơn vị được giao quản lý quốc lộ (Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông đối với đường đô thị, đường tỉnh, đường huyện (bao gồm cả đường được đầu tư theo hình thức PPP và đường địa phương trên địa bàn). Các đơn vị được giao quản lý đường bộ, nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện thẩm tra an toàn giao thông đường bộ.

### **Điều 55. Các căn cứ làm cơ sở thẩm định an toàn giao thông**

#### **1. Đối với đường xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo**

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 54 Thông tư này về thẩm quyền quyết định và tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông và các giai đoạn thẩm định an toàn giao thông;

b) Hồ sơ dự án: báo cáo đầu tư xây dựng công trình, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 bước, 2 bước) và các hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án;

c) Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng cho dự án;

d) Đề cương thẩm tra an toàn giao thông được chủ đầu tư phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 45/2011/TT-BGTVT ngày 10 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ xây dựng mới; công trình nâng cấp, cải tạo;

e) Đối với trường hợp thẩm định an toàn giao thông trước khi đưa công trình vào khai thác phải có ý kiến bằng văn bản về tổ chức giao thông và sự ảnh hưởng của dự án đến an toàn giao thông của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý (Cục Quản lý đường bộ, Sở Giao thông vận tải).

#### **2. Đối với đường đang khai thác**

a) Quyết định phê duyệt tuyến hoặc đoạn tuyến phải thẩm định an toàn giao thông của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 54 Thông tư này;

b) Hồ sơ hoàn công, hồ sơ quản lý đường của cơ quan trực tiếp quản lý tuyến hoặc đoạn tuyến, hồ sơ các vụ tai nạn giao thông;

c) Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các tiêu chuẩn có liên quan;

d) Đề cương thẩm tra an toàn giao thông được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT/BGTVT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chi phí thẩm tra an toàn giao thông đối với công trình đường bộ đang khai thác.

**Điều 56. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đối với các dự án xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo**

1. Tư vấn thẩm tra an toàn giao thông thực hiện các nội dung cơ bản sau đây:

a) Thu thập hồ sơ, tài liệu cần thiết; cập nhật thông tin về tình hình tai nạn đã xảy ra nếu thực hiện thẩm tra an toàn giao thông dự án nâng cấp, cải tạo;

b) Nghiên cứu tài liệu đã thu thập được để phát hiện các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông, sơ bộ giải pháp xử lý cho từng vấn đề; dự kiến danh mục các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn, các vấn đề cần chú trọng xem xét khi đi kiểm tra hiện trường;

c) Kiểm tra hiện trường để xác định, đối chiếu, phát hiện các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn (có xét đến sự ảnh hưởng thời tiết, điều kiện dân cư, tập quán). Khi thẩm tra an toàn giao thông giai đoạn trước khi đưa đường vào khai thác, phải kiểm tra hiện trường cả ban ngày và ban đêm;

d) Tham vấn ý kiến của người dân khu vực đoạn tuyến (nếu có) về vấn đề tai nạn, nhu cầu tham gia giao thông;

đ) Lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông nêu rõ các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông và đề xuất biện pháp khắc phục theo nội dung quy định tại Điều 62 Thông tư này và trình chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư xem xét báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của đơn vị thẩm tra an toàn giao thông, lập tờ trình trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

3. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông và có văn bản phê duyệt kết quả báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

4. Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp thu kết quả thẩm định an toàn giao thông để phê duyệt bổ sung vào dự án.

**Điều 57. Trình tự thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trong quá trình khai thác**

1. Tư vấn thẩm tra an toàn giao thông thực hiện các nội dung cơ bản sau đây:

a) Thu thập hồ sơ, tài liệu cần thiết; thu thập các thông tin về tình hình tai nạn giao thông, tình hình mất an toàn giao thông đã xảy ra trên tuyến, đoạn tuyến thẩm tra;

b) Nghiên cứu tài liệu đã thu thập được để phát hiện các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông, sơ bộ giải pháp xử lý cho từng vấn đề; dự kiến danh mục các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn, các vấn đề cần chú trọng xem xét khi đi kiểm tra hiện trường; dự kiến các bất cập về an toàn giao thông tại các khu vực nút giao;

c) Kiểm tra hiện trường để xác định, đối chiếu, phát hiện các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn (có xét đến sự ảnh hưởng thời tiết, điều kiện dân cư, tập quán). Kiểm tra hiện trường phải thực hiện cả ban ngày lẫn ban đêm và khi thời tiết bất lợi (mưa, sương mù); việc kiểm tra phải có sự tham gia của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ tiếp nhận quản lý tuyến đường;

d) Làm việc với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, Ban An toàn giao thông địa phương và cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn



giao thông trên tuyến để trao đổi về các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông; đề xuất kiến nghị nâng cao an toàn đối với tuyến, đoạn tuyến đang thẩm tra;

đ) Lập báo cáo thẩm tra an toàn giao thông nêu rõ các vấn đề tiềm ẩn mất an toàn giao thông và đề xuất biện pháp khắc phục theo nội dung quy định tại Điều 62 Thông tư này và trình cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, nhà đầu tư.

2. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ, nhà đầu tư xem xét báo cáo thẩm tra an toàn giao thông, lập tờ trình trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

3. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông, có văn bản phê duyệt kết quả báo cáo thẩm tra an toàn giao thông.

4. Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ có trách nhiệm tiếp thu kết quả thẩm định an toàn giao thông và thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 58. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình**

1. Xem xét những giải pháp tổng thể về quy mô kỹ thuật của dự án

a) Sự phù hợp về phương án tuyến đi qua các điểm khống chế, vị trí giao cắt, khoảng cách giữa các nút giao (giao bằng, giao trục thông, giao liên thông);

b) Sự hợp lý về phương án thiết kế các công trình trên tuyến, hệ thống thoát nước, các điều kiện địa chất, khí hậu thủy văn; ảnh hưởng của cảnh quan môi trường, của các công trình dịch vụ, đường vào khu dân cư và các khu vực khác, lối đi cho xe cứu hỏa, cứu thương; khả năng mở rộng tuyến trong tương lai.

2. Đặc trưng hình học của bình đồ, trắc dọc, mặt cắt ngang điển hình và thay đổi mặt cắt, tổ chức giao thông, tiêu chuẩn thiết kế.

3. Tầm nhìn, đoạn quá độ, khả năng nhận biết, phản ứng của lái xe.

4. Tầm nhìn khi vào và tầm nhìn tại nút giao, bố trí tổng thể, mặt cắt ngang.

5. Đánh giá ảnh hưởng của các công trình ven đường, các công trình dành cho người đi bộ, phương tiện thô sơ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

6. Công tác an toàn trong thi công được thể hiện qua giải pháp tổng thể bảo đảm trong quá trình thi công (đường tránh, cầu tạm, bố trí mặt bằng thi công, biển báo hiệu, đèn chiếu sáng, điều khiển giao thông).

7. Các khía cạnh an toàn giao thông khác chưa được đề cập.

**Điều 59. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn thiết kế kỹ thuật (đối với công trình thiết kế 3 bước) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (đối với công trình thiết kế 1 bước và 2 bước) và trong quá trình xây dựng**

1. Xem xét những thay đổi so với giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có) hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình về: hệ thống thoát nước, điều kiện địa chất, khí hậu thủy văn; ảnh hưởng cảnh quan môi trường của các công trình dịch vụ, đường qua khu dân cư và các khu vực khác, lối đi cho xe cứu hỏa, cứu thương; khả năng mở rộng công trình trong tương lai; hệ số an toàn giao thông, biểu đồ tốc độ xe chạy theo lý thuyết.

2. Các vấn đề cụ thể về đặc trưng hình học của bình đồ, trắc dọc, trắc ngang điển hình và sự thay đổi mặt cắt, bố trí chung, xử lý lề đường, hè đường; tập trung thẩm tra, thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn giao thông khi một số chỉ tiêu kỹ thuật thiết kế đường có chệch lệch về Rmin, Rlòi, Rlôm, thiết kế tầm nhìn, trắc dọc; các vị trí taluy âm, dương có chiều cao đắp hoặc đào lớn.

3. Các chi tiết định tuyến: đoạn quá độ, khả năng nhận biết, xử lý của lái xe, chi tiết thiết kế hình học, xử lý tại các vị trí cầu, cống.

4. Các nút giao cắt và các điểm đầu nối

a) Tầm nhìn khi xe ô tô đi vào nút và tầm nhìn tại nút giao, bố trí tổng thể của nút giao (nút giao liên thông và nút giao trực thông), các đường vào nút giao, khả năng quan sát của lái xe, chi tiết thiết kế hình học của nút giao, đảo giao thông, chiếu sáng;

b) Vị trí các điểm đầu nối, phân tích sự hợp lý hoặc bất hợp lý về các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn giao thông như: khoảng cách giữa các nút giao, vị trí đầu nối, quy mô kết cấu, các yếu tố kỹ thuật về bình đồ, trắc dọc, trắc ngang, độ dốc dọc và khoảng cách vượt nối.

5. Đánh giá ảnh hưởng của các công trình ven đường, các công trình bảo đảm an toàn giao thông cho người đi bộ, phương tiện thô sơ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

a) Đánh giá sự ảnh hưởng của các công trình đang vi phạm hành lang an toàn đường bộ theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ, thống kê đầy đủ các công trình nằm trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ trước khi thi công và sau khi thi công (nghiên cứu phương án giải phóng mặt bằng);

b) Thẩm định sự ảnh hưởng của các dòng xe khi chạy trộn dòng, sự sụt giảm của tốc độ thực tế so với thiết kế và sự mất an toàn giao thông khi cho chạy trộn dòng hỗn hợp.

6. Biển báo hiệu, sơn kẻ đường, đèn chiếu sáng và điều khiển giao thông: phát hiện sự bất hợp lý của hệ thống an toàn giao thông, đưa ra đề xuất cụ thể (điều chỉnh hoặc bổ sung) để hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông trước khi đưa công trình vào khai thác.

7. Các công trình khác: các công trình đặt gần sát với đường xe chạy có tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông như dải phân cách, rào chống va, tường hộ lan, gờ lượn sóng, các giải pháp an toàn mà tư vấn thiết kế đề xuất.

8. Chi tiết thiết kế cầu, hầm, cống: thẩm định sự hợp lý về vị trí bố trí công trình, độ dốc dọc đường hai đầu cầu, hầm, các đường nối ra, vào cầu và quy mô kết cấu công trình cầu, hầm, cống.

9. Công tác an toàn giao thông trong thi công: bố trí thiết bị thi công, các hoạt động trong quá trình thi công, quản lý và điều hành giao thông, các giải pháp cụ thể về an toàn giao thông (các phương án đường tránh, cầu tạm, dây chuyền thi công) đặc biệt lưu ý đối với các tuyến đường cải tạo, nâng cấp.

10. Các vấn đề về an toàn giao thông khác chưa được đề cập.

11. Báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định phải tổng hợp đánh giá những ảnh hưởng đến an toàn giao thông, từ đó kiến nghị tốc độ tối đa cho phép chạy xe khi hoàn thành dự án.

**Điều 60. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông giai đoạn trước khi nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác**

1. Tổ chức thẩm tra an toàn giao thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị gồm: chủ đầu tư, cảnh sát giao thông, tư vấn giám sát, đơn vị thi công và cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp quản lý khai thác xem xét, kiểm tra các nội dung đã nêu trong báo cáo thẩm tra an toàn giao thông của các giai đoạn trước đó để đối chiếu với kết quả đã thi công tại hiện trường (đối chiếu giữa hồ sơ thiết kế được duyệt với thực địa và tình trạng thực tế trên đường) đặc biệt là các vấn đề về tổ chức giao thông, điều khiển giao thông cho các phương tiện thô sơ, người đi bộ; các làn đường rẽ, bến xe, các chướng ngại vật, tình trạng hư hỏng mặt đường, tình hình lấn chiếm, vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

2. Đề xuất giải pháp bổ sung hoặc điều chỉnh nhằm bảo đảm an toàn giao thông tối đa trước khi đưa công trình vào khai thác.

**Điều 61. Nội dung thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông trong quá trình khai thác đường**

Tổ chức được giao thẩm tra an toàn giao thông chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đường bộ xem xét, kiểm tra các nội dung trong đề cương thẩm tra an toàn giao thông được duyệt có sự đối chiếu giữa hồ sơ thiết kế (hồ sơ hoàn công) với thực địa và lưu lượng xe, tình trạng giao thông thực tế trên đường, sự lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ hai bên đường (kể cả hành lang an toàn của công trình cầu, cống) để phát hiện kịp thời những yếu tố, nguy cơ dẫn đến mất an toàn giao thông, chú ý đến tổ chức và điều khiển giao thông cho các phương tiện thô sơ, người đi bộ, các làn phụ, đường rẽ, bến xe, các chướng ngại vật che khuất tầm nhìn, các biển quảng cáo (khu vực đô thị) và tình trạng đầu nổi vào đường ưu tiên, sự xuất hiện bất hợp lý về yếu tố kỹ thuật mới nảy sinh trong quá trình khai thác, các hư hỏng mặt đường và những vị trí hành lang đường bộ bị vi phạm.

**Điều 62. Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông**

Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Thông tin chung

- a) Tên của dự án và giai đoạn công tác thẩm định được thực hiện;
- b) Tên của chủ nhiệm thẩm tra và thẩm tra viên;
- c) Danh mục tài liệu đã thu thập.

2. Nội dung chính

- a) Mô tả ngắn gọn các đề xuất;
- b) Các chi tiết khi đi thị sát và đánh giá hiện trường;
- c) Mô tả chi tiết các vấn đề tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông và đề xuất biện pháp khắc phục.

**Điều 63. Danh mục các nội dung xem xét trong quá trình thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ**

Danh mục các nội dung được xem xét trong quá trình thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ được quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

**Chương VIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 64. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

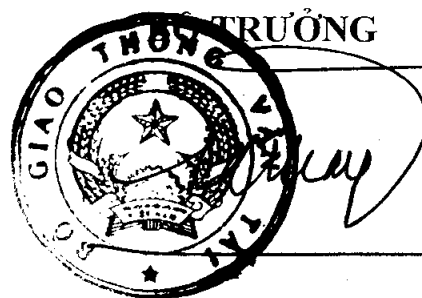
**Điều 65. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh về Tổng cục Đường bộ Việt Nam để tổng hợp, báo cáo với Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 65;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KCHT.



**Đinh La Thăng**